

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2026/HS-ST

Ngày: 21/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc

2. Ông Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thiên Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 146/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thị Ánh H, sinh ngày 01/01/1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 498/10 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ánh H1, sinh năm 1963; chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (đã chết); có 02 con cùng sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

2. Phạm Thị Như T1, sinh ngày 20/4/1992 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ A, ấp P, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện cư trú tại Tổ A, ấp P, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Nguyễn Lê K, sinh ngày 06/5/1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ A, ấp M, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế H2 (đã chết) và bà Lê Ánh M, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

4. Lê Hoàng L, sinh ngày 01/02/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Tổ D, khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1952 và bà Cao Thị L1, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 83/2013/HSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”;

- Quyết định số 50/QĐ-TA ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 18/8/2022.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê K: Luật sư Hoàng Tiến A - Luật sư thuộc Văn phòng L5; địa chỉ: B T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị Kim L2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 21/9/2025, Lê Hoàng L và Nguyễn Lê K đến quán nhậu không tên tại tổ H, ấp H, xã P, thành phố Hồ Chí Minh của bà Bùi Thị Kim L2 để nhậu. Quá trình nhậu, K rủ thêm Phạm Thị Như T1 và Đoàn Thị Ánh H là nhân viên của quán ngồi nhậu cùng. Nhậu được một lúc thì H đi ra văng nằm, T1 và K gặp nhau ở khu vực gần nhà vệ sinh thì bàn bạc với nhau kiếm ma túy để sử dụng. Sau khi bàn bạc xong, T1 đi đến gặp H hỏi có biết chỗ nào lấy ma túy không thì H trả lời để liên hệ rồi có gì báo lại sau, còn K gặp L và nói tí nữa có mấy bạn nữ đem ma túy đến làm mấy hơi rồi K rủ L vào phòng của quán để hát Karaoke. Lúc này, H thông qua mạng xã hội Zalo liên hệ với một người đàn ông tên L3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để L3 đem ma túy đến. L và K hát được một lúc thì ra chòi ban đầu tiếp tục ngồi nhậu đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì L3 đến quán nhậu, H dẫn L3 vào chòi giới thiệu là bạn của H được K và L đồng ý cho L3 ngồi cùng cả nhóm. Sau đó, L3 lấy ra một bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên trong nỏ thủy tinh đã có sẵn ma túy đá để trên bàn rồi L3 dùng bật lửa hơi nóng dưới nỏ thủy tinh cho ma túy bay hơi lên tự sử dụng, L3 tiếp tục đưa bộ dụng cụ cho K và L cầm rồi đốt ma túy cho K và L sử dụng, quá trình sử dụng T1 và H có đi tiếp khách ở các chòi khác, khi quay lại chòi của L3, K, L thì T1 và H được L3 đưa bộ dụng cụ cho T1 và H cầm rồi đốt ma túy cho T1 và H sử dụng. Sau khi sử dụng hết số ma túy có sẵn trong nỏ thủy tinh, H nói ai muốn tiếp tục sử dụng ma túy thì góp mỗi người 100.000đ. Lúc này, L đưa cho K 100.000đ, T1 đưa cho K 100.000đ

để K đưa lại cho L3 số tiền 200.000đ. Tuy nhiên, L3 không lấy tiền của T1 nên trả lại cho T1 100.000đ, H đưa cho L3 100.000đ nhưng L3 không lấy. Sau đó, L3 lấy ra thêm 01 (một) gói ma túy đã đổ vào bộ dụng cụ để L3, L, K, H, T1 tiếp tục cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, L3 đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy rời đi, L và K ngồi nhậu thêm một lúc thì K trả tiền quán ra về.

Đến ngày 24/09/2025, Công an phường L mời L đến để xét nghiệm nhanh ma túy cho kết quả dương tính với ma túy tổng hợp dạng đá (Methamphetamine), qua làm việc L đã khai nhận việc sử dụng ma túy cùng L3, K, H, T1 tại tổ H ấp H, xã P nên Công an phường L đã làm việc với H, T1, tiến hành xét nghiệm nhanh ma túy cho kết quả dương tính Methamphetamine nên đã chuyển hồ sơ cho Công an xã P tiếp tục xác minh. Đến ngày 28/09/2025, Công an xã P làm việc với K và xét nghiệm nhanh cho kết quả âm tính với ma túy. Tại Cơ quan điều tra Lê Hoàng L, Phạm Thị Như T1, Đoàn Thị Ánh H và Nguyễn Lê K đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên (bút lục số 143-239).

Tại Bản kết luận giám định số: 6917/KL-KTHS ngày 09/10/2025 của Phòng K2 Công an thành phố H, mẫu vật cần giám định:

- Một phong bì màu trắng được niêm phong, có hình dấu của Công an xã P – Công an thành phố H, cùng các chữ ký ghi họ tên: Huỳnh Minh K1, Trần Văn T3, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Lê K, bên trong có 01 (một) ống nhựa, nắp màu cam có chữ ký ghi họ tên “Nguyễn Lê K” chứa nước tiểu (ký hiệu mẫu M1).

- Một phong bì màu trắng được niêm phong, có hình dấu của Công an phường L – Công an thành phố H, cùng các chữ ký ghi họ tên: Lê Bình P, Nguyễn Minh L4, Trần Thị V, Trần Thanh H3, Phạm Thị Như T1, bên trong có 01 (một) lọ nhựa, nắp màu đỏ chứa nước tiểu (ký hiệu mẫu M2).

- Một phong bì màu trắng được niêm phong, có hình dấu của Công an phường L – Công an thành phố H, cùng các chữ ký ghi họ tên: Lê Bình P, Trần Thị V, Nguyễn Hoàng P1, Bùi Quang T4, Đoàn Thị Ánh H, bên trong có 01 (một) lọ nhựa, nắp màu đỏ chứa nước tiểu (ký hiệu mẫu M3).

- Một phong bì màu trắng được niêm phong, có hình dấu của Công an phường L – Công an thành phố H, cùng các chữ ký ghi họ tên: Lê Bình P, Nguyễn Minh L4, Trần Thị V, Trần Thanh H3, Lê Hoàng L, bên trong có 01 (một) lọ nhựa, nắp màu đỏ chứa nước tiểu (ký hiệu mẫu M4).

Kết luận:

- Không tìm thấy các chất ma túy và các sản phẩm chuyển hóa từ ma túy trong mẫu nước tiểu được ký hiệu mẫu M1 gửi giám định.

- Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu được ký hiệu mẫu M2 gửi giám định.

- Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu được ký hiệu mẫu M3 gửi giám định.

- Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu được ký hiệu mẫu M4 gửi giám định.

H4 lại đối tượng giám định: mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

- Về vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo, màu xanh (đã qua sử dụng) của Đoàn Thị Ánh H. Hiện vật chứng trên đã chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 quản lý, chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKSKV13 ngày 23/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Đoàn Thị Ánh H, Phạm Thị Như T1, Nguyễn Lê K và Lê Hoàng L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi, vai trò của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

** Về hình phạt:*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị mức hình phạt đối với Đoàn Thị Ánh H và Lê Hoàng L từ 09 năm đến 10 năm tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị mức hình phạt đối với Phạm Thị Như T1 và Nguyễn Lê K từ 08 năm 06 tháng đến 9 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo, màu xanh (đã qua sử dụng) của Đoàn Thị Ánh H.

** Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, đã qua sử dụng của Đoàn Thị Ánh H do được sử dụng để liên hệ người cung cấp ma túy.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê K phát biểu tranh luận:

Đồng ý với tội danh và điều khoản truy tố bị cáo Nguyễn Lê K. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo để quyết định một mức án phù hợp, vừa đủ sức răn đe cho bị cáo nhưng cũng vừa thể hiện được tính khoan hồng, nhân văn của pháp luật. Bị cáo K không đóng vai trò chủ chốt trong việc đặt mua ma túy hay chuẩn bị dụng cụ để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, mẹ ruột của bị cáo là bà Lê Ánh M được địa phương trao tặng nhiều Giấy khen cho những thành tích, những đóng góp trong hoạt động vì sự phát triển của địa phương vào các năm 2005, 2009, 2010. Bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Lê K đồng ý với ý kiến bào chữa của Luật sư và không có tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh đối đáp lại với ý kiến của Luật sư: Đồng ý với đề nghị của Luật sư về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng; không có ý kiến tranh luận về tội danh. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng Bùi Thị Kim L2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ; sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá

trình điều tra, lời khai của người làm chứng, kết quả xét nghiệm, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/9/2025, tại quán nhậu không tên thuộc tổ H ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Thị Như T1, Nguyễn Lê K đã bàn bạc với nhau tìm người cung cấp ma túy để tổ chức sử dụng. T1 đã nói với Đoàn Thị Ánh H tìm người và H đã liên hệ với đối tượng tên L3 đến quán cung cấp ma túy và bộ D1, còn K rủ Lê Hoàng L tham gia cùng sử dụng ma túy. Khi L3 đến cả nhóm gồm L3, H, K, T1, L đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và thống nhất góp tiền mỗi người 100.000 đồng để đưa cho L3 (K là người gom tiền của L, T1 đưa cho L3), qua kết quả giám định nước tiểu T1, L và H đều dương tính với M1, K âm tính với Methamphetamine.

Vì vậy, hành vi của Đoàn Thị Ánh H, Phạm Thị Như T1, Nguyễn Lê K và Lê Hoàng L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “đối với 02 người trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, trật tự, an toàn xã hội và làm phát sinh nguy cơ của nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội trong thời gian tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này, tuy các bị cáo có bàn bạc thống nhất cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không phân công nhiệm vụ, tự tiếp nhận ý chí mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T1 và K là người khởi xướng gặp nhau để bàn bạc, nhưng để thực hiện được ý định thì không thiếu vai trò chủ chốt của bị cáo H là sau khi nghe bị cáo T1 nói lại ý định tìm nguồn ma túy sử dụng bị cáo đã sử dụng mạng xã hội liên hệ với một người đàn ông tên L3 (chưa rõ nhân thân lai lịch) để cung cấp ma túy cho cả nhóm sử dụng, đồng thời sau khi sử dụng hết số ma túy của L3 có sẵn trong nỏ, H tiếp tục khởi xướng việc tiếp tục sử dụng và góp tiền do đó, bị cáo có vai trò tích cực nhất, tiếp đến là bị cáo T1 sau khi khởi xướng cùng K tìm nguồn ma túy sử dụng thì góp tiền, bị cáo L cùng K là người thuê địa điểm để nhậu ban đầu đồng thời đây cũng là địa điểm diễn ra việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mặt khác, L là người góp tiền, K là người

gom tiền đưa lại cho L3 nên vai trò của 03 bị cáo T1, L và K có tính chất tương đối ngang nhau.

Xét thấy, bị cáo H và T1 đều là phụ nữ đã có gia đình, có hoàn cảnh làm mẹ đơn thân, các con còn nhỏ, nhưng không lấy đó làm động lực để đi làm kiếm sống nuôi con nhưng lại sa đà vào tệ nạn, tự lựa chọn con đường lao lý là để lại gánh nặng cho gia đình và xã hội. Các bị cáo K và L là người có trình độ văn hóa, nhận thức rất rõ về tội danh và hình phạt có việc làm ổn định nhưng chỉ vì không kìm chế được nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân mà bất chấp bỏ qua các quy định của pháp luật để tự đưa bản thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm cho diễn biến tình hình sử dụng ma túy ngày càng phức tạp, gây ảnh hưởng xấu an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về nhân thân các bị cáo H, T1 và K đều là người có nhân thân tốt, bị cáo L là người có nhân thân xấu vào ngày 26/11/2013 bị cáo bị TAND huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ) xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”; ngày 06/7/2021 bị cáo bị TAND thành phố Bà Rịa về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 18/8/2022. Do đó, lần phạm tội này phải xem xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo để cá thể hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Lê K, tài liệu y tế thể hiện bị cáo nhiễm HIV không triệu chứng, phải điều trị ARV lâu dài; bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Các giấy khen của bà Lê Ánh M là mẹ bị cáo không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v hoặc điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng cùng với tình trạng sức khỏe và hoàn cảnh gia đình của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo K, xem xét là những tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê Hoàng L, các tiền án đã được xóa án tích và quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã chấp hành xong nên không được xác định

là tình tiết tăng nặng; tuy nhiên thể hiện nhân thân không tốt, cần được cân nhắc khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh của Đoàn Thị Ánh H được bị cáo sử dụng để liên hệ người tên L3 mang ma túy đến, là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các mẫu nước tiểu đã được sử dụng hết trong quá trình giám định nên không đặt ra việc xử lý.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông tên L3 có hành vi mang ma túy, bộ dụng cụ đến và trực tiếp tổ chức cho các bị cáo sử dụng nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp. Đối với bà Bùi Thị Kim L2, các bị cáo sử dụng ma túy tại địa điểm do bà L2 quản lý nhưng bà L2 không biết nên không có căn cứ xử lý về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thị Ánh H, Phạm Thị Như T1, Nguyễn Lê K và Lê Hoàng L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Ánh H: 08 (T5) năm 06 (S1) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2026.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Thị Như T1: 08 (T5) năm 06 (S1) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê K: 08 (T5) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/02/2026.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Hoàng L: 08 (T5) năm 06 (S1) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, đã qua sử dụng của bị cáo Đoàn Thị Ánh H.

Vật chứng nêu trên hiện do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H quản lý theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14/9/2025.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đoàn Thị Ánh H, Phạm Thị Như T1, Nguyễn Lê K và Lê Hoàng L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ các Điều 331, 333, 336 và 337 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Lộc Lê Thanh X

Phạm Thị Thu N1

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Nga